TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THA BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **90**/2023/QĐST-HNGĐ	*ThA Ba, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2023 về trA chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Diệu L** - Sinh năm 1998;

Địa chỉ: khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: tập thể xí nghiệp thuốc thú y TW, xã Đ, huyện H, thành phố H

Bị đơn: A **Nguyễn Tuấn A** - Sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Diệu L** và A **Nguyễn Tuấn A**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị L và anh A thỏa thuận: kể từ ngày 21/11/2023 anh A trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 03/9/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A, do anh A không yêu cầu

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Vũ Diệu L tự nguyện nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001811 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ThA Ba, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị L 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan